

Bản án số: 30/2024/HS-PT

Ngày: 11/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1096/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lại Hữu P và bị cáo Bùi Thị D phạm tội “Tham ô tài sản”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lại Hữu P, sinh năm 1993 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ĐKKHKT: Thôn KT, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú hiện tại: Đường H, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Hữu T và bà Nguyễn Thị N; có vợ là chị Đồng Thị Thục H và 01 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bùi Thị D, sinh năm 1986 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn PG, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Kế toán Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang T1 và bà Nguyễn Thị C; có chồng là anh Tạ Duy Q và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lại Hữu P do bị cáo mời:* Luật sư Đào Hoàng T2 và Luật sư Nguyễn Thu H1 - Công ty Luật TNHH GK, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Luật sư T2 vắng mặt, Luật sư H1 có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị D theo chỉ định của Tòa án:* Luật sư Nguyễn Đình T3 - Công ty Luật TNHH HN, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- *Bị hại không có kháng cáo:* Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hải C1, chức vụ: Phó Giám đốc, phụ trách Công ty; địa chỉ trụ sở làm việc: Đường ĐCT, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những bị hại khác và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN (viết tắt là Công ty NL), có 03 cổ đông sáng lập gồm Lại Hữu P nắm giữ 20% cổ phần; chị Bùi Thanh X nắm giữ 60% cổ phần; ông Lê Thanh T4 nắm giữ 20% cổ phần; ngành nghề kinh doanh: Hoạt động cho thuê lại lao động. Quá trình hoạt động, do có sự chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông theo đó các cổ đông của Công ty gồm có 04 người: Lại Hữu P nắm giữ 26% cổ phần, bà Lê Thị Thu H2 nắm giữ 25% cổ phần; anh Đặng Quốc V nắm giữ 25% cổ phần; chị Lê Thị Thu P1 nắm giữ 24% cổ phần. Lại Hữu P là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty.

Các nhân sự gồm: Chị Trần Thị Thanh N1 làm kế toán kiêm thủ quỹ từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020, làm thủ quỹ từ tháng 9/2020 đến tháng 8/2021 nhưng thực tế từ tháng 9/2021 đến tháng 3/2022 theo chỉ đạo của P, D thay N1 quản lý quỹ Công ty; từ tháng 4/2022 đến nay chị N1 làm thủ quỹ Công ty, do đó, Bùi Thị D làm kế toán từ tháng 9/2020 đến tháng 8/2021, làm kế toán kiêm thủ quỹ từ tháng 9/2021 đến tháng 3/2022 (kiêm thay N1).

Bộ phận tuyển dụng lao động gồm: Anh Trần Đắc C2, chị Vũ Diệu U, chị Vũ Thị Lê Q1, chị Nguyễn Thị T5, chị Trần Thị Thanh N1 và chị Lê Thị Thu P1, cổ đông cũng tham gia giúp Công ty trong việc tuyển dụng lao động.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh: Ngày 24/02/2020, Công ty NL ký Hợp đồng gửi 2.000.000.000 đồng tiền ký quỹ tại Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Nam, kỳ hạn 24 tháng. Khi đến hạn ngày 24/02/2022, P đã đề nghị Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Nam thanh toán cả gốc và lãi số tiền ký quỹ trên và chuyển vào tài khoản số 110610419999 Ngân hàng M của Công ty NL với tổng số tiền 2.260.356.164 đồng (gồm tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi 260.356.164 đồng). Lại Hữu P chỉ đạo Bùi Thị D đã lập tăng giờ làm công nhân, lập một số

phiếu chi không để rút tiền, P chi tiêu cá nhân, cụ thể: P đã cùng Bùi Thị D - kế toán Công ty làm thủ tục rút 03 lần từ tài khoản của Công ty với tổng số tiền 1.950.000.000 đồng về nhập quỹ được hạch toán tại 03 Phiếu thu (gồm Phiếu thu số 295 ngày 24/2/2022 số tiền 1.400.000.000 đồng; số 297 ngày 02/3/2022 số tiền 350.000.000 đồng và số 298 ngày 05/3/2022 số tiền 200.000.000 đồng) để sử dụng chi tiêu.

Quá trình hoạt động từ năm 2020 đến tháng 6/2022, Công ty NL đã ký hợp đồng hoặc thỏa thuận cung cấp nhân công lao động cho 24 Công ty trong và ngoài tỉnh Hà Nam. Công ty NL có trách nhiệm cung cấp người lao động cho các đối tác theo tiêu chuẩn, yêu cầu tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động, hàng tháng Công ty NL đối chiếu bảng chấm công do đơn vị sử dụng lao động cung cấp để lập bảng quyết toán theo tổng giờ công và đơn giá tính theo hợp đồng (hoặc theo thỏa thuận). Sau khi hai bên đối khớp số liệu, Công ty NL xuất hóa đơn GTGT để đơn vị sử dụng lao động thanh toán trả tiền thuê nhân công lao động bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Công ty NL số 110.610.419.9999 tại Ngân hàng M hoặc trả bằng tiền mặt.

Để thực hiện các hợp đồng cung cấp lao động cho đối tác, Lại Hữu P giao cho nhân viên Bộ phận tuyển dụng của Công ty tìm kiếm, thỏa thuận với các cộng tác viên (Vend) để tuyển dụng công nhân lao động thời vụ. Theo thỏa thuận của các bên thì Công ty NL được hưởng lợi nhuận là 3% hoặc 4% doanh số trước thuế trên hóa đơn Giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) hàng tháng Công ty NL xuất cho đơn vị sử dụng lao động, phần còn lại là lương công nhân và lợi nhuận của cộng tác viên. Cộng tác viên trực tiếp tuyển công nhân và thanh toán lương cho công nhân. Ngoài ra, cũng có trường hợp Công ty NL (P) thông qua cộng tác viên thỏa thuận miệng với công nhân về mức lương, thưởng và trực tiếp trả lương cho người lao động.

Công ty NL căn cứ theo bảng chấm công của đơn vị sử dụng lao động, thực hiện lên bảng lương cho người lao động, sau đó chuyển cho nhân viên tuyển dụng của Công ty kết hợp cùng cộng tác viên kiểm tra số liệu. Đến ngày trả lương, căn cứ theo bảng chấm công, Lại Hữu P chỉ đạo Bùi Thị D và Trần Thị Thanh N1 tính chi phí thanh toán cho các cộng tác viên để cộng tác viên trả lương cho công nhân. Về hình thức thanh toán nếu thanh toán bằng chuyển khoản thì D làm thủ tục rút tiền từ tài khoản của Công ty NL để nộp vào tài khoản cá nhân của Bùi Thị D số 107873648756 tại Ngân hàng N hoặc tài khoản của Trần Thị Thanh N1 số 109872917064 tại Ngân hàng N. Sau đó D, N1 sẽ chuyển đến tài khoản cho từng cộng tác viên hoặc cho người lao động; nếu thanh toán bằng tiền mặt thì D, N1 sẽ chi từ quỹ tiền mặt của Công ty để thanh toán (toàn bộ việc thanh toán, chi trả lương đều không có ký nhận của cộng tác viên hoặc người lao động).

Tháng 6/2022, các cổ đông của Công ty NL tiến hành kiểm tra sổ sách kế toán, đối chiếu với các chứng từ thu, chi, hợp đồng, bảng chấm công, bảng lương phát hiện một số phiếu chi không giải trình được nên các cổ đông là bà Lê Thị Thu H2, chị Lê Thị Thu P1 và anh Đặng Quốc V tố cáo Lại Hữu P và Bùi Thị D chiếm đoạt của Công ty số tiền 2.991.040.772 đồng.

Kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam đủ căn cứ chứng minh P, D đã lập tăng ngày công lao động, lập khống phiếu chi thanh toán lương cho cộng tác viên, công nhân lao động làm việc tại 07 Công ty để chiếm đoạt số tiền 2.103.055.140 đồng, cụ thể:

Vụ thứ nhất (1): Lại Hữu P chỉ đạo Bùi Thị D Lập khống, tăng giá trị 03 phiếu chi lương công nhân làm việc tại Công ty TNHH S chiếm đoạt 1.664.118.000 đồng, như sau: Khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2022, Công ty NL đã xuất 10 hóa đơn GTGT để Công ty TNHH S thanh toán dịch vụ cung cấp lao động với tổng trị giá đã thanh toán bằng hình thức chuyển vào tài khoản của Công ty NL số tiền 11.267.788.913 đồng, trong đó có tiền lương công nhân tháng 12/2021 là 326.270.588 đồng (theo hóa đơn GTGT số 0000135 ngày 07/01/2022), lương tháng 01/2022 là 261.075.375 đồng (theo hóa đơn GTGT số 0000153 ngày 30/01/2022).

Căn cứ vào bảng chấm công hàng tháng, Công ty NL có trách nhiệm thanh toán lợi nhuận và lương công nhân cho cộng tác viên (Vend) Vũ Đức P2 tiền lương tháng 12/2021 là 287.700.000 đồng và lương tháng 01/2022 là 230.220.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện qua tài khoản của Bùi Thị D số 107873648756 tại Ngân hàng N đến tài khoản số 09776222222 tại Ngân hàng Q của Vũ Đức P2 vào ngày 15/02/2022 số tiền 287.700.000 đồng để thanh toán tiền lương tháng 12/2021 và ngày 16/3/2022 số tiền 230.220.000 đồng để thanh toán lương tháng 01/2022. Anh Vũ Đức P2 xác định đã nhận đủ số tiền nêu trên là: 517.920.000 đồng. Nhưng Lại Hữu P chỉ đạo Bùi Thị D lập bảng lương tháng 12/2021 tăng số giờ công lao động của công nhân cao hơn so với thực tế để tăng số tiền chi trả cho cộng tác viên bằng các Phiếu chi số 945 ngày 25/2/2022 số tiền 1.200.000.000 đồng và Phiếu chi số 946 ngày 28/2/2022 số tiền 751.818.000 đồng đều có nội dung “*Thanh toán tiền cho công nhân Công ty S tháng 12/2021*”; Phiếu chi số 972 ngày 16/3/2022 có nội dung “*Thanh toán lương + lợi nhuận Công ty S tháng 01/2022*” số tiền 230.220.000 đồng, cộng 03 phiếu chi là 2.182.038.000 đồng, tăng hơn số tiền Công ty NL phải chi trả cho Vũ Đức P2 là 1.664.118.000 đồng. Như vậy, P, D đã lập tăng giờ công lao động dẫn đến tăng số tiền phải thanh toán cho cộng tác viên để rút tiền từ quỹ của Công ty NL và chiếm đoạt số tiền 1.664.118.000 đồng.

Vụ thứ hai (2): Lập khống phiếu chi lương công nhân làm việc tại Công ty TNHH khoa học kỹ thuật H, để chiếm đoạt 230.200.000 đồng, như sau: Trong thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 3/2022, Công ty TNHH khoa học kỹ thuật H đã thanh toán tiền thuê nhân công lao động cho Công ty NL theo giá trị của 04 hóa đơn GTGT với tổng số tiền 128.361.250 đồng (*gồm hóa đơn số 127 ngày 31/12/2021, số 147 ngày 26/01/2021, số 160 ngày 28/02/2022 và số 172 ngày 31/3/2022*). Căn cứ vào bảng theo dõi ngày công lao động hàng tháng, Công ty NL có trách nhiệm thanh toán lợi nhuận và lương công nhân cho cộng tác viên Phùng Văn P3 để trả lương công nhân tổng số tiền 122.507.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản của D, N1 đến tài khoản số 0361000213315 mở tại Ngân hàng M mang tên Phạm Thị L (vợ P3), anh Phùng Văn P3 xác nhận đã nhận đủ số tiền công lao động làm việc

tại Công ty TNHH khoa học kỹ thuật H.

Lại Hữu P chỉ đạo Bùi Thị D đã lập 05 Phiếu chi số 894 ngày 28/01/2022 thanh toán lương tháng 12/2021 số tiền 16.300.000 đồng; Phiếu chi số 924 ngày 17/2/2022 số tiền 57.210.000 đồng và Phiếu chi số 953 ngày 05/3/2022 số tiền 230.200.000 đồng đều có nội dung “*Thanh toán tiền lương + lợi nhuận Công ty H tháng 1/2022*”; Phiếu chi số 898 ngày 23/3/2022, thanh toán lương tháng 02/2022 số tiền 29.965.000 đồng; Phiếu chi số 78 ngày 18/5/2022, thanh toán lương tháng 3/2022 số tiền 19.227.000 đồng (các phiếu chi này D đều ký mục “Người lập phiếu”, P ký mục “Giám đốc”), tổng số tiền 352.902.000 đồng. Số tiền tăng lập không là 230.200.000 đồng, D rút từ quỹ Công ty NL đưa cho P sử dụng cá nhân. Như vậy, số tiền P, D chiếm đoạt của Công ty NL là 230.200.000 đồng.

Vụ thứ ba (3): Lập không giờ công lao động tại Công ty TNHH D chiếm đoạt số tiền chênh lệch 19.831.000 đồng, như sau: Việc thanh toán lương cho công nhân làm việc tại Công ty D được Công ty NL giao cho các cộng tác viên. Qua rà soát tài khoản của Trần Thị Thanh N1 xác định: Ngày 28/9/2021 chị N1 đã chuyển số tiền 161.798.000 đồng từ tài khoản của N1 đến tài khoản số 104003087145 tại Ngân hàng N mang tên Vũ Thị A để thanh toán lương tháng 8/2021 cho cộng tác viên Vũ Văn V1 số tiền 161.798.000 đồng (V1 mượn tài khoản của em gái). Đối chiếu với Phiếu chi PC547 ngày 30/9/2021 nội dung “*Thanh toán lương + lợi nhuận tháng 8 - Công ty D - Vend V1*” số tiền 171.798.000 đồng, thấy tăng 10.000.000 đồng so với số tiền thực tế chi trả cho Vend V1. Rà soát tài khoản của Bùi Thị D xác định ngày 22/11/2021, D đã chuyển 21.836.000 đồng vào tài khoản số 19031985551018 tại Ngân hàng T để thanh toán lương tháng 10/2021 cho cộng tác viên Nguyễn Thị N2. Đối chiếu với Phiếu chi 732 ngày 22/11/2021, nội dung “*Thanh toán lương công nhân + Lợi nhuận cho Vend tháng 10/2021*” số tiền 1.418.717.000 đồng, theo bảng kê kèm theo phiếu chi thì số tiền chi trả cho cộng tác viên Nguyễn Thị N2 là 30.417.235 tăng 9.831.000 đồng so với số tiền thực tế chi trả cho N2. P đã chỉ đạo D lập tăng giờ công lao động của công nhân trong tháng 8 và tháng 10/2021, tăng số tiền phải thanh toán cho Vend, từ đó D rút quỹ lấy số tiền chênh lệch 19.831.000 đồng cho P sử dụng cá nhân.

Vụ thứ tư (4): Lập tăng giờ công lao động của công nhân làm việc tại Công ty TNHH MV số tiền 1.494.500 đồng, như sau: Công ty NL có trách nhiệm thanh toán lương tháng 11/2021 số tiền 10.195.500 đồng cho cộng tác viên Phạm Thùy L1 và số tiền 1.280.000 đồng cho công nhân Trần Thanh T6. Việc thanh toán được D thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 16/12/2021 chuyển 10.195.500 đồng đến tài khoản số 1013241281 tại Ngân hàng M của Phạm Thùy L1 và ngày 20/12/2021 chuyển 1.280.000 đồng vào tài khoản số 107873648756 tại Ngân hàng N của Trần Thanh T6. Tổng số tiền D đã thanh toán là 11.475.500 đồng. P chỉ đạo D lập tăng giá trị đối với 02 Phiếu chi số 785 ngày 16/12/2021 số tiền 11.690.000 đồng, nội dung “*Thanh toán tiền lương + Lợi nhuận cho Vend L1 Công ty MV tháng 11/2021*” và Phiếu chi số 791 ngày 20/12/2021 số tiền 1.280.000 đồng, nội dung “*Thanh toán tiền*

lương cho công nhân Công ty MV tháng 11/2021” có tổng số tiền 12.970.000 đồng, tăng 1.494.500 đồng so với số tiền thực tế D chi trả cho L1 và T6, từ đó rút tiền chênh lệch 1.494.500 đồng từ quỹ của Công ty NL cho P sử dụng.

Vụ thứ năm (5): Lập không phiếu chi lương công nhân thời vụ làm việc tại Công ty TNHH K chiếm đoạt số tiền là 84.832.000 đồng, như sau: Đối với việc cung cấp nhân công lao động cho Công ty K, Lại Hữu P thông qua các cộng tác viên thỏa thuận với người lao động. Vì vậy khi Công ty K thanh toán tiền thuê lao động, P đã chỉ đạo N1, D thanh toán lợi nhuận cho các cộng tác viên, còn lương công nhân thì D và N1 sẽ trực tiếp thanh toán, qua đối chiếu các tài liệu thấy:

Tháng 5/2021: Công ty TNHH K thanh toán trả tiền công lao động cho Công ty NL theo Hóa đơn GTGT số 61 ngày 31/5/2021 số tiền 388.250.729 đồng. Công ty NL phải thanh toán lợi nhuận cho Vend là 22.375.000 đồng và thanh toán lương cho công nhân là 355.540.000 đồng. Việc thanh toán lợi nhuận cho Vend được D thực hiện bằng hình thức chuyển khoản và đã thanh toán đủ cho các cộng tác viên; việc thanh toán lương cho công nhân được D, N1 thực hiện bằng hình thức chuyển khoản và trả bằng tiền mặt. Theo Bảng tính lương tháng 5/2021 (Bảng chấm công của Công ty K), thì số ngày công của công nhân là:

- + Tổng số ngày công hành chính: 1.036 công.
- + Tổng số giờ công tăng ca (150%): 1.870 giờ công.
- + Tổng số giờ công tăng ca đêm ngày thường (200%): 135 giờ công.
- + Tổng số giờ công tăng ca ngày nghỉ (200%): 0 giờ.

Đối chiếu với Bảng thanh toán tiền lương cho công nhân theo Phiếu chi số 359 ngày 16/6/2021 của Công ty NL do Bùi Thị D lập với nội dung “*Thanh toán lương cho công nhân Công ty K tháng 5/2021*” số tiền 429.615.000 đồng, thấy số giờ công người lao động được thanh toán cao hơn so với Bảng chấm công của Công ty K, cụ thể:

- + Tăng số ngày công hành chính: $312 \text{ ngày} \times 194.167 \text{ đồng/ngày} = 60.580.104 \text{ đồng}$.
- + Tăng số giờ công tăng ca: $106 \text{ giờ} \times 36.407 \text{ đồng/giờ} = 3.859.142 \text{ đồng}$.
- + Tăng số giờ công tăng ca đêm, ngày thường: $12 \text{ giờ} \times 48.542 \text{ đồng/giờ} = 582.504 \text{ đồng}$.
- + Tăng giờ công tăng ca ngày nghỉ: $41 \text{ giờ} \times 48.542 \text{ đồng/giờ} = 1.990.222 \text{ đồng}$.
- + Tăng thêm 01 công nhân, với số tiền chi là: 7.063.323 đồng.
- Tổng cộng: 74.075.295 đồng.

Lại Hữu P và Bùi Thị D lập tăng số giờ công dẫn đến tăng số tiền chi trả cho công nhân để rút số tiền chênh lệch 74.075.295 đồng của Công ty NL cho P sử dụng. Phiếu chi số 359 do D lập và ký mục “Người lập phiếu”, P ký mục “Giám đốc”, N1 ký mục “Thủ quỹ”. Phiếu chi số 359 do D lập nhưng đến tháng

3/2022 mới đưa cho chị N1 ký để hoàn thiện chứng từ và chị N1 không biết D lập tăng số giờ công lao động để rút tiền cho P.

Tháng 11/2021: Công ty K thanh toán trả Công ty NL số tiền 1.119.424.525 đồng theo Hóa đơn GTGT số 120 ngày 30/11/2021 làm rõ như sau:

+ Đối với số tiền tiền lợi nhuận của cộng tác viên là 86.930.000 đồng đã được D thanh toán đầy đủ cho cộng tác viên bằng hình thức chuyển khoản.

+ Đối với việc thanh toán lương công nhân: Tài liệu điều tra thu được 02 bảng lương, một bảng theo dõi có số tiền là 932.117.006 đồng và một bảng thanh toán có số tiền 945.140.756 đồng, số tiền chênh lệch giữa 2 bảng lương là 13.023.750 đồng. Đối chiếu 02 bảng tính lương trên thấy, bảng lương thanh toán do D lập tăng hơn 33 công so với bảng lương theo dõi dẫn đến tăng số tiền phải thanh toán cho công nhân là 6.473.528 đồng (33 công x 194.167 đồng) và số tiền phụ cấp của bảng lương thanh toán tăng hơn số tiền phụ cấp của bảng lương theo dõi là 6.550.222 đồng đã thanh toán đủ cho công nhân. P, D khai nhận mục đích kê khai tăng số ngày công lao động dẫn đến tăng số tiền phải chi trả để rút số tiền chênh lệch 6.473.528 đồng cho P sử dụng cá nhân.

Tháng 12/2021: Công ty K thanh toán trả Công ty NL lương công nhân tháng 12/2021 số tiền 1.195.545.513 đồng theo Hóa đơn GTGT số 134 ngày 07/01/2022. D lập Phiếu chi lương cho công nhân số 856 ngày 18/01/2022 số tiền 1.001.192.000 đồng. Đối chiếu giữa bảng theo dõi lương công nhân có số tiền 993.949.167 đồng với bảng lương thanh toán cho công nhân số tiền 1.001.192.000 đồng thấy chênh lệch tăng 7.242.833 đồng, trong đó tăng số giờ công lao động 22 công dẫn đến tăng số tiền phải thanh toán 4.283.324 đồng (22 công x 194.167 đồng) và tăng số tiền phụ cấp cho một số công nhân là 2.959.509 đồng đã trả đủ cho công nhân. P, D khai nhận mục đích khai tăng số ngày công lao động dẫn đến tăng số tiền thanh toán cho công nhân để rút số tiền chênh lệch 4.283.324 đồng cho P sử dụng cá nhân. Như vậy tổng số tiền P, D chiếm đoạt trong khi thực hiện việc thanh toán trả lương cho công nhân làm việc tại Công ty K trong các tháng 5, 11, 12/2021 tổng cộng là 84.832.147 đồng. Đối với các phiếu chi trong các tháng 5, 11, 12/2021 và tháng 01/2022 đều do D lập và ký mục Người lập, P ký mục Giám đốc, N1 ký mục Thủ quỹ. Tuy nhiên, chị N1 khai thời điểm trên chị không quản lý quỹ của Công ty nhưng khoảng tháng 3/2022 P chỉ đạo chị ký mục Thủ quỹ để hoàn thiện chứng từ.

Vụ thứ sáu (6): Lập không phiếu chi lương công nhân thời vụ làm việc tại Công ty BM + Nhà máy A + Nhà máy B chiếm đoạt số tiền 52.577.000 đồng. Đối chiếu sổ quỹ tiền mặt và các chứng từ thanh toán trả tiền lương người lao động làm việc tại Công ty BM từ tháng 7/2021 đến tháng 3/2022 thấy, tháng 9/2021 không phát sinh phí cho thuê lao động thời vụ tại Công ty BM, đồng thời cũng không thấy số liệu, tài liệu nào thể hiện việc phát sinh phí thuê lao động làm việc tại Nhà máy A + Nhà máy B trong tháng 9/2021. Tuy nhiên, P đã chỉ đạo D lập Phiếu chi số 772 ngày 30/10/2021 số tiền 52.577.000 đồng, nội dung “Thanh toán tiền lương công nhân Công ty BM + NMA + NMB tháng 9/2021”, Bùi Thị D ký mục “Người lập phiếu”, Lại Hữu P ký mục “Giám đốc”, Trần Thị

Thanh N1 ký mục “Thủ quỹ”, để rút số tiền 52.577.000 đồng từ quỹ của Công ty NL cho P sử dụng cá nhân. Sau khi lập xong phiếu chi này thì đến cuối năm 2021, D mới đưa cho N1 ký để hoàn thiện chứng từ, D xác định N1 không biết, không tham gia lập không phiếu chi trên.

Vụ thứ bảy (7): Lập không phiếu chi lương công nhân thời vụ làm việc tại Công ty TNHH AA, chiếm đoạt 50.010.000 đồng vào tháng 9/2021: Bảng tổng hợp phí cung ứng lao động tháng 9/2021 – (Anh T7) Dương Văn T7 số tiền 676.346.717 đồng; Phiếu chi số 537 ngày 11/10/2021 số tiền 726.350.000 đồng. Ngày 11/10/2021 D chuyển vào tài khoản số 0901008899999 của Dương Văn T7 (T7) số tiền 676.340.000 đồng (thực tế số tiền thanh toán cho anh T7 là 676.340.000 đồng), số tiền chênh lệch còn lại 726.350.000 đồng - 676.340.000 đồng = 50.010.000 đồng D rút từ quỹ của Công ty NL đưa cho P sử dụng cá nhân. Đối với 3 phiếu chi số 536, 537, 538 D là người lập phiếu, P ký mục Giám đốc và N1 ký mục Thủ quỹ nhưng N1 xác định chỉ ký hoàn thiện chứng từ cho D vào khoảng tháng 3/2022 và không biết việc D trả lương theo các phiếu chi này như thế nào.

Ngày 30/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 79/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ ký trong 17 phiếu chi do Công ty NL giao nộp có nội dung chi lương công nhân Công ty TNHH S và Công ty TNHH khoa học kỹ thuật H có chữ ký của Lại Hữu P, Bùi Thị D, Trần Thị Thanh N1.

Tại Bản kết luận giám định số 484/TL-PC09 ngày 09/9/2022, Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“Chữ ký đứng tên Lại Hữu P dưới mục “Giám đốc” trên phiếu chi ký hiệu từ A1 đến A11 và từ A13 đến A16 so với chữ ký của Lại Hữu P trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Bùi Thị D dưới mục “Người lập phiếu” trên phiếu chi ký hiệu từ A1 đến A11 và từ A13 đến A16 so với chữ ký của Bùi Thị D trên mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Trần Thị Thanh N1 và chữ ký không đứng tên dưới mục “Thủ quỹ”, “Người nhận tiền” trên phiếu chi ký hiệu từ A1, A2, A3, A5, A6, A11, A12, A17 so với chữ ký của Trần Thị Thanh N1 trên mẫu so sánh ký hiệu M9 do cùng một người ký ra”.

Ngày 10/3/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 21/QĐ-CSKT trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ ký, chữ viết của Lại Hữu P, Bùi Thị D, Trần Thị Thanh N1, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu P1, Trần Hải C1 tại Biên bản làm việc giữa các cổ đông và P, D (ký hiệu từ A18 - A25) và các phiếu chi của Công ty NL (ký hiệu từ A26 - A179) do Công ty NL giao nộp.

Tại bản Kết luận giám định số 200/KL-KTHS ngày 14/4/2023, Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“Chữ ký đứng tên Lại Hữu P, chữ ký trong khung đánh số 01 và chữ viết phần nội dung, chữ viết có nội dung “Lại Hữu P” dưới mục “Người viết cam kết”, “THÀNH PHẦN THAM GIA”, “THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN”, “Giám đốc” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A18 và A162, từ A164 đến A175, A179 so với chữ ký, chữ viết của Lại Hữu P trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Bùi Thị D, chữ ký trong khung đánh số 02 và chữ viết có nội dung “Bùi T D”, “Bùi Thị D” dưới mục “THÀNH PHẦN THAM GIA”, “THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN”, “Người lập phiếu” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A19 đến A24, từ A26 đến A60, từ A62 đến A162, A164, A165, từ A167 đến A175, A179 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị D trên mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Trần Thị Thanh N1 và chữ ký không đứng tên dưới mục “Thủ quỹ”, “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A26 đến A58, từ A67 đến A157, từ A163 đến A175, A179 so với chữ ký của Trần Thị Thanh N1 trên mẫu so sánh ký hiệu M9 do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Lê Thị Thu H2, chữ ký trong khung đánh số 03 và chữ viết có nội dung “Lê Thị Thu H2” dưới mục “THÀNH PHẦN THAM GIA”. “THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A19, A22, A23, A24 so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Thu H2 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M13 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Lê Thị Thu P1, chữ ký trong khung đánh số 04 và chữ viết có nội dung “Lê Thị Thu P1” dưới mục “THÀNH PHẦN THAM GIA”. “THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A20, A21 so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Thu P1 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M14 đến M17 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký đứng tên Trần Hải C1, chữ ký trong khung đánh số 05 và chữ viết có nội dung “Trần Hải C1” dưới mục “THÀNH PHẦN THAM GIA”. “THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN”, “Giám đốc” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A19 đến A25, A163 so với chữ ký, chữ viết của Trần Hải C1 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M18 đến M21 do cùng một người ký, viết ra.

Mẫu cần giám định ký hiệu A176, A177, A178 là tài liệu photocopy nên không tiến hành giám định”.

Kết quả điều tra xác định: Lại Hữu P cùng với Bùi Thị D lập chứng từ không, tăng giá trị đã chiếm đoạt số tiền 2.103.062.647 đồng của Công ty NL. Đối với số tiền theo đơn tố cáo còn lại là 2.991.040.772 đồng - 2.103.062.647 đồng = 887.978.125 đồng Cơ quan điều tra không có tài liệu chứng cứ chứng minh P và D đã chiếm đoạt số tiền 887.978.125 đồng; Lại Hữu P đã nộp đủ 2.991.040.772 đồng nên các cổ đông thống nhất đề nghị tự giải quyết.

Quá trình điều tra Lại Hữu P và Bùi Thị D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Về trách nhiệm dân sự, Lại Hữu P và Bùi Thị D đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty NL (trong đó P là 2.003.062.647 đồng, D

là 100.000.000 đồng).

Ngoài ra, quá trình điều tra làm rõ về số tiền 1.134.000.000 đồng chi phí sai quy định Lại Hữu P tự ý rút từ quỹ Công ty: Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định trong thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 3/2022, Lại Hữu P đã chỉ đạo Bùi Thị D, Trần Thị Thanh N1 chi tạm ứng tiền cho P để sử dụng vào việc của Công ty và cá nhân tổng số tiền 5.152.000.000 đồng. P nhờ anh trai là Lại Ngọc H3 nhận hộ tiền tạm ứng và nộp hộ tiền hoàn ứng. Vì vậy tại các phiếu chi, phiếu thu, sổ quỹ của Công ty đều ghi tên Lại Ngọc H3 là người nhận tiền và nộp tiền. Tính đến thời điểm các cô đồng kiểm tra vào tháng 6/2022, số tiền P đã hoàn ứng 4.018.000.000 đồng, còn lại 1.134.000.000 đồng. Việc P tạm ứng tiền của Công ty NL để sử dụng vào việc cá nhân là không đúng quy định trong Điều lệ của Công ty NL. Tuy nhiên việc tạm ứng, hoàn ứng đều có phiếu chi, phiếu thu và được vào sổ theo dõi ghi nhận rõ ràng, đến ngày 11/8/2022 P đã hoàn ứng toàn bộ số tiền 1.134.000.000đ. Vì vậy không có căn cứ xác định Lại Hữu P chiếm đoạt số tiền này.

Vật chứng đã chuyển Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 21/7/2023, gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung vỏ màu xanh của Lại Hữu P (đã qua sử dụng) số IMEI1: 353333110172754; IMEI2: 353334110172752, bên trong điện thoại có 01 sim Viettel; thu giữ của Bùi Thị D 01 điện thoại Samsung vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI1: 350331809366854; IMEI2: 352406229366854, bên trong điện thoại có 01 sim Viettel.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 353; Điều 17; Điều 50; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt Lại Hữu P 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26 tháng 9 năm 2022.

- Xử phạt Bùi Thị D 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26 tháng 9 năm 2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 và ngày 08/9/2023, lần lượt các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D cùng có đơn kháng cáo đều với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá về hành vi phạm tội của các bị cáo; về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với từng bị cáo, đã xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lại Hữu P và bị cáo Bùi Thị D mức hình phạt là tương xứng, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới so với các tình tiết giảm nhẹ tại cấp sơ thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lại Hữu P và Bùi Thị D.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lại Hữu P: Không đồng tình với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mới để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại từ trước khi vụ án bị khởi tố.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Thị D: Luật sư không đồng tình quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mới để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Bùi Thị D vì bị cáo không được hưởng lợi nhưng vẫn tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo hoàn cảnh khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo Lại Hữu P và bị cáo Bùi Thị D trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Đối với tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm về diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; Lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau; phù hợp với kết quả sao kê tài khoản Ngân hàng, Kết luận giám định chữ ký, chữ viết, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 3/2022, Lại Hữu P lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Giám đốc Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN đã chỉ đạo Bùi Thị D là kế toán, kiêm thủ quỹ nhiều lần lập khống chứng từ, tăng số tiền lương phải thanh toán cho công nhân và tăng tiền lợi nhuận của các cộng tác viên so với thực tế phải chi trả cho các cộng tác viên và công nhân làm

việc tại 07 Công ty gồm: Công ty TNHH S số tiền 1.664.118.000 đồng; Công ty TNHH khoa học kỹ thuật H số tiền 230.200.000 đồng; Công ty TNHH K số tiền 84.832.147 đồng; Công ty BM + Nhà máy A + Nhà máy B số tiền 52.577.000 đồng; Công ty TNHH MV số tiền 1.494.500 đồng; Công ty TNHH D số tiền 19.831.045 đồng và Công ty TNHH AA số tiền 50.010.000 đồng, từ đó Lại Hữu P và Bùi Thị D chiếm đoạt số tiền 2.103.062.647 đồng của Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D về tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung là chiếm đoạt tài sản giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN là Pháp nhân thương mại nói riêng, đồng thời xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức Nhà nước và của cả các doanh nghiệp nói chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo Lại Hữu P là Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty giữ vai trò chính, đầu vụ; bị cáo Bùi Thị D theo chỉ đạo của Lại Hữu P đã lập không, lập tăng chi trả lương cho công nhân để rút tiền đưa cho P sử dụng vào mục đích cá nhân, là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ hai. Bị cáo P lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, Bùi Thị D lợi dụng công việc được giao nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu tài sản của Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung tội phạm.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm có cân nhắc, xem xét đến vai trò phạm tội của từng bị cáo, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D luôn giữ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực cung cấp thông tin liên quan đến tội phạm mà mình bị buộc tội, hỗ trợ Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; Các bị cáo đều tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại và đều được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; Ngoài ra, bị cáo Bùi Thị D còn có bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương, Huy chương kháng chiến. Tuy nhiên các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị hại là Công ty cổ phần cung ứng nhân lực VN vẫn giữ quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hơn nữa, xét tới việc bị cáo P và gia đình đã bán toàn bộ tài sản để khắc phục toàn bộ hậu quả

mà bị cáo đã gây ra từ trước thời điểm vụ án bị khởi tố, truy tố, xét xử, bị cáo D thậm chí còn không chiếm hưởng, không được hưởng lợi từ hành vi trái pháp luật của các bị cáo nhưng vẫn tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, thể hiện các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D đã có thái độ thực sự ăn năn, hối hận, đã nghiêm khắc kiểm điểm và nhận ra lỗi lầm, tích cực cải tạo để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, việc áp dụng khoản 1 Điều 54 để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt các bị cáo bị xét xử là hoàn toàn có cơ sở. Các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D mặc dù đang bị tạm giam nhưng cũng tích cực tác động, nhờ gia đình nộp tiền án phí sơ thẩm thể hiện tinh thần cầu thị trong việc sửa chữa lỗi lầm, nghiêm túc chấp hành nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Xét toàn diện, tổng thể và khách quan, cân nhắc, xem xét tới các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cân nhắc thái độ của các bị cáo trong suốt quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng có thể giảm nhẹ một phần hình phạt theo đúng quy định pháp luật cho các bị cáo, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo, sự khoan hồng của Nhà nước nhưng vẫn đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo mà không làm mất đi tính trừng trị, tính nghiêm khắc của pháp luật. Do đó, đề nghị tại phiên tòa của người bào chữa cho các bị cáo về việc giảm nhẹ một phần hình phạt cho cả hai bị cáo Lại Hữu P và Bùi Thị D là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Lại Hữu P và Bùi Thị D được chấp nhận nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam về phần hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

Tuyên bố các bị cáo Lại Hữu P, bị cáo Bùi Thị D phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 353; Điều 17; Điều 50; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lại Hữu P 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2022.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị D 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2022.

2. Về án phí: Các bị cáo Lại Hữu P, Bùi Thị D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS, P. HCTP.TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm